

NHỮNG CÁCH TÂN VỀ NGHỆ THUẬT TRONG TRƯỜNG CA THANH THẢO

Nguyễn Thị Ái Thoa

Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường Đại học Phú Yên

Email: nguyenthiaithoa@pyu.edu.vn

Ngày nhận bài: 9/4/2025; ngày hoàn thành phản biện: 27/4/2025; ngày duyệt đăng: 10/6/2025

TÓM TẮT

Với gia tài trường ca đồ sộ và giá trị, có thể xem Thanh Thảo là đại diện tiêu biểu viết về trường ca Việt Nam sau năm 1975. Trường ca Thanh Thảo đã kế thừa những thành tựu trước đó, đồng thời không ngừng đổi mới và xác lập tiếng nói của một cá tính sáng tạo. Âm hưởng chủ đạo và xuyên suốt vẫn là âm hưởng ngợi ca chủ nghĩa anh hùng nhưng trường ca sau năm 1975 nói chung và trường ca Thanh Thảo nói riêng còn là những trần trụi, day dứt, dằn vặt trước hiện thực của cuộc chiến và trước thân phận mỏng manh của con người. Toàn bộ đều được đúc kết từ những trải nghiệm sinh tử, rướm máu nhưng kiên tâm. Bài viết đi sâu tìm hiểu đặc điểm nghệ thuật trong trường ca Thanh Thảo từ ba phương diện: nghệ thuật ngôn từ, thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật. Qua đó, bài viết cho thấy những đóng góp của ông trong nỗ lực cách tân trường ca hiện đại Việt Nam.

Từ khóa: Cách tân, nghệ thuật, Thanh Thảo, trường ca.

1. MỞ ĐẦU

Thanh Thảo bén duyên với trường ca qua sáng tác đầu tay – tác phẩm *Những người đi tới biển* (1976). Ngay thời điểm ra mắt, trường ca này của ông được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt, còn giới nghiên cứu thì cổ vũ, hoan nghênh. Thành công này quả nhiên đã tạo đà cho hàng loạt những tác phẩm trường ca ra đời sau đó như: *Trẻ con ở Sơn Mỹ* (1978), *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc* (1978-1980), *Bùng nổ của mùa xuân* (1980-1981), *Đêm trên cát* (1982), *Trò chuyện với nhân vật của mình* (1983), *Cỏ vắn mọc* (1983), *Những khối vuông Ru-bích* (1984), *Metro* (2009), *Chân đất* (2017).

Trường ca Thanh Thảo đã có sự kế thừa những thành tựu trước đó và không ngừng nỗ lực để cất lên tiếng nói của một cá tính sáng tạo. Âm hưởng chủ đạo và xuyên suốt vẫn là âm hưởng ngợi ca chủ nghĩa anh hùng nhưng trường ca sau năm 1975 nói

chung và trường ca Thanh Thảo nói riêng còn là những trần trở, day dứt, dằn vặt trước hiện thực của cuộc chiến và trước thân phận mỏng manh của con người. Bước vào chiến trường khi cuộc chiến đang hồi khốc liệt, Thanh Thảo đem đến tiếng nói đầy những bận tâm giàu tính nhân bản về chuyện được – mất, sống – chết, họa – phúc, riêng – chung, cá nhân – cộng đồng, gia đình – tổ quốc... Toàn bộ đều được đúc kết từ những trải nghiệm sinh tử, rướm máu nhưng kiên tâm. Với gia tài trường ca đồ sộ, sức sáng tạo dồi dào, tư duy triết lý cùng nỗ lực không mệt mỏi nhằm tạo ra những cách tân, có thể xem trường ca Thanh Thảo là đại diện tiêu biểu của bức tranh trường ca sau 1975 trên nhiều phương diện, tiêu biểu là nghệ thuật ngôn từ, thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật.

2. NỘI DUNG

2.1. Nghệ thuật ngôn từ

Không phải ngẫu nhiên mà Thanh Thảo được giới phê bình xưng tụng là gương mặt tiêu biểu của văn học sau năm 1975. Trong sáng tác, đặc biệt là ở thể loại trường ca, ông đã có nhiều đóng góp nhằm đổi mới và thúc đẩy sự phát triển của trường ca hiện đại Việt Nam. Nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến, trong bài viết “Về đặc trưng của trường ca” đăng trên *Tạp chí Văn học* số 3/1984, cho rằng “trường ca *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo đã thoát thai khỏi cách dựng và kể chuyện truyền thống” [1, tr.106]. Cũng theo ông, trường ca của Thanh Thảo nói riêng và trường ca sau 1975 nói chung đã có những thành công nhất định trong việc phát huy vai trò của nguyên tắc trữ tình. Men theo hành trình sáng tạo của nhà thơ Thanh Thảo từ khi mới xuất hiện trên thi đàn cho đến lúc tên tuổi được khẳng định, tác giả Bích Thu trong bài viết “Thanh Thảo: Một gương mặt tiêu biểu trong thơ từ sau 1975”, đăng trên *Tạp chí Văn học*, số 6/1985 đã phác họa chân dung Thanh Thảo với tư cách là đại diện tiêu biểu của đội ngũ nhà thơ chống Mỹ thuộc thế hệ thứ ba. Theo tác giả, hành trình sáng tạo của nhà thơ luôn song hành cùng sự nỗ lực: nỗ lực cách tân, nỗ lực kiếm tìm những giá trị mới, sức sống mới và tiếng nói mới cho thơ. Và theo thời gian, những nỗ lực ấy đã đơm hoa kết trái, đem lại cho nhà thơ những thành công nhất định “Người đọc nhận ra cái mới của Thanh Thảo không phải là những nét trần trụi, gân guốc của thực tế chiến trường mà cái chính là tâm hồn thơ giàu kiến thức văn hóa, luôn khát khao tới những vấn đề mới mẻ, với những suy cảm sâu sắc, đầy dấu ấn cá tính” [10, tr.69]. Với trường ca, Bích Thu cho rằng, thể loại dài hơi này là sở trường của Thanh Thảo. So với những tác phẩm trước và sau 1975, trường ca Thanh Thảo “mang đậm dấu vết cá nhân, không lặp lại ở bất cứ ai” và “Các sáng tác của anh thường mang vẻ đẹp trong một chỉnh thể, có một hơi trường ca không dễ lẫn. Tác phẩm hấp dẫn người đọc ở ý tứ sâu xa và ở cấu trúc trữ tình – triết lý rất mực tâm trạng” [10, tr.70].

Đề cập đến ngôn ngữ thơ, Thanh Thảo cho rằng, chó nên quan niệm ngôn ngữ thơ là làm phong phú ngôn ngữ con người mà nó còn khiến “con người vững tin rằng ngoài những hình ảnh thế giới mà mình thấy được, cảm nhận được, còn những hình ảnh mà mình chưa thấy nhưng sẽ thấy, chưa cảm được nhưng sẽ cảm được. Có những giấc mơ bình dị mình sẽ mơ, và có những cuộc đời mình sẽ sống cùng với cuộc đời chính mình đang sống” [8, tr.81]. Có lẽ xuất phát từ điều này mà ngôn ngữ trong trường ca Thanh Thảo tồn tại phong phú, đa dạng và tạo được nhiều “khoảng trống”. Ở ba trường ca *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Bùng nổ của mùa xuân*, *Trẻ con ở Sơn Mỹ*, tác giả sử dụng ngôn ngữ độc thoại với sự hiện diện của cái tôi nhập cuộc, cái tôi hóa thân. Lối người kể chuyện và nhân vật cứ đan xen nhau, lồng ghép vào nhau, tồn tại như mối quan hệ hô ứng. Nó tạo cho người đọc cảm giác được giữa tác giả với những anh du kích Ba Tơ trong *Bùng nổ của mùa xuân*, với những người nghĩa binh Cần Giuộc trong *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc*, với những trẻ em bị giết hại thảm khốc trong *Trẻ con ở Sơn Mỹ* có sự đồng cảm đặc biệt: “Sơn Mỹ ơi/ Khi về đây tôi được thành trẻ nhỏ/ Được nhìn thấy mặt trời treo trên cỏ/ Thấy chim sáo mổ vàng ắp trứng bên tháp canh/ Dấu chân sóng nô đùa với gió/ Tôi nhập cùng các em chạy dọc bãi xương rồng/ Lại bắt gặp chân trời ngay trên cát/ Cả người tôi hòa trong biển vô cùng...” (Trẻ con ở Sơn Mỹ) hay “Tôi yêu quý hoa sen/ Nhưng xin suốt đời cùng bông súng/ Lẳng lẳng nở hoa giữa đồng sâu ruộng trũng/ Giữa những anh em cô út của tôi/ Họ lấm láp sinh lần bước vào thơ Đỗ Chiêu/ Nồng mờ hôi mùi lưng trần khét cháy/ Cát tiếng nói nặng nề như đá/ Chân đạp vung chẳng giữ ý chút nào/ Cắm bọm bắt lương bằng xúc đất đổ đi/ Ghét chuyện tầm phào hơn ghét cỏ/ Không áo mao cân đai phẩm hàm văn võ/ Họ để lại những vết bùn làm vinh dự cho thơ” (Những nghĩa sĩ Cần Giuộc).

Dường như tác giả đã từng sống, từng trải qua những cuộc đời ấy. Vượt qua ranh giới về thời gian, không gian, ở đây, tác giả và nhân vật là một. Thanh Thảo từng khẳng định, “Thơ là tiếng nói đồng chí, đồng ý, đồng tình. Nhưng chưa đủ. Thơ còn là, phải là tiếng nói đồng cảm” [9, tr.64].

Trước năm 1975, trường ca xuất hiện như một thực tế tất yếu của đời sống văn học lúc bấy giờ – lấy chiến tranh làm cảm hứng để thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng với những thử thách đỉnh cao như *Bài ca chim Choro* (1963) của Thu Bồn, *Nguyễn Văn Trỗi* (1967) của Lê Anh Xuân... Ngôn ngữ được sử dụng phổ biến là ngôn ngữ kể và ngôn ngữ đối thoại. Sau năm 1975, trường ca có sự bùng nổ về quy mô và dung lượng phản ánh. Cùng viết về đề tài chiến tranh nhưng các tác giả đã nỗ lực tìm tòi, đổi mới về thi pháp cũng như chất liệu nghệ thuật. Những tác phẩm *Những người đi tới biển* (Thanh Thảo), *Đường tới thành phố* (Hữu Thịnh), *Trường ca Sư đoàn* (Nguyễn Đức Mậu), *Đất nước hình tia chớp* (Trần Mạnh Hảo), *Con đường của những vì sao* (Nguyễn Trọng Tạo), *Bazan khát* (Thu Bồn)... đã chọn những hướng nhìn đa chiều hơn về cuộc chiến. Thậm chí, cùng là sáng tác của một tác giả nhưng hai tác phẩm ra đời trước và sau năm 1975 cũng xê dịch đáng kể. Hầu hết các tác giả đều là những nhà thơ mặc áo lính, từng trải nghiệm, chứng kiến và kinh qua chiến tranh. Bước sang thời bình, họ có

dịp đào xới, nhìn nhận và chiêm nghiệm lại quá khứ với biết bao suy ngẫm. Trường ca đi sâu vào những miền ẩn khuất của tinh thần, vào cả những vùng mờ của ý thức – những chân trời “chưa có người bay”. Các tác giả đã đưa vào trường ca tiếng nói của triết luận, thấm đẫm tinh thần nhân bản. Bên cạnh sự kế thừa ngôn ngữ kể và đối thoại thì ngôn ngữ trong trường ca sau năm 1975, trong đó có trường ca Thanh Thảo, còn là ngôn ngữ đòi thường, giàu tính triết lý.

Ngôn ngữ đối thoại được sử dụng khá nhuần nhuyễn trong *Trò chuyện với nhân vật của mình*. Với nội dung luận về đức hạnh và nghệ thuật, trường ca này đặt nhân vật Nguyễn Đình Chiểu làm nhân vật trung tâm, xoay quanh các mẫu đối thoại với Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga, Hồn Minh, Tử Trục, ông Quán, Tiểu đồng... Lúc thì Nguyễn Đình Chiểu trò chuyện với Vân Tiên, với Tiểu đồng, với Trương Định; lúc khác, nhân vật của ông lại trò chuyện với chính tác giả. Nhưng đa dạng và sinh động hơn cả vẫn là ngôn ngữ độc thoại xen lẫn đối thoại trong *Những người đi tới biển*. Xuất phát từ điểm nhìn ngôi thứ nhất (nhân vật xưng “tôi”), trường ca kể về những sự việc xảy ra trên bước đường hành quân của tác giả cũng như những triết lý, suy ngẫm của tác giả về chiến tranh, về con người, về đất nước, về lẽ sống còn, được – mất, hạnh phúc – thương đau. Ở đây, độc thoại được sử dụng như một giọng điệu chủ đạo thể hiện đời sống tâm trạng của nhân vật: “*Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/ Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc?*” (Những nghĩa sĩ Cần Giuộc).

Ở những chỗ kể về đồng đội, đồng chí, về những người đã gặp thì tác giả xen lẫn đối thoại để bộc lộ cá tính của nhân vật: lời cô giao liên rắn rỏi, nghiêm trang; lời bà mẹ Việt Nam thân thiết, gần gũi; lời người đồng đội dí dỏm, khôi hài... Đặc biệt, sự luân phiên thay đổi cách xưng hô khiến tính trữ tình thể hiện đậm nét. Đó là tình cảm giữa mẹ và con, giữa anh và em, giữa tôi và các anh, các chị, các chú, giữa chúng ta và đất nước. Sắc thái ngôn ngữ qua các từ xưng hô làm câu thơ mềm mại, uyển chuyển và dạt dào tình cảm. Người lính nhớ về mẹ với cảm giác được chở che, vỗ về: “*Con sẽ về rất bông bần chân/ Vâng trăn mẹ giờ này lặng sóng/ Sau cơn bão mía ngọt dần lên ngon/ Vẫn ướt chỗ mẹ nằm đất nước mình ơi*” (Những người đi tới biển), nhớ về người yêu dấu với bao đắm đuối ngập tràn của tình yêu tuổi trẻ: “*Anh nhớ em/ Quân thù không thể biết/ Anh nhớ em/ Trường Sơn có bao nhiêu cây xanh/ Chót vót trên kia thắm một vòm lá đỏ/ Nỗi nhớ anh dâng lên tới đó...*” (Những người đi tới biển), nhớ về đồng bào với nghĩa tình quân dân thấm thiết: “*Ta sống cùng nhân dân chết giữa nhân dân/ Rất yên ổn mầm cây cỏ chìm trong đất/ Phía sau mỗi người tôi thương/ Còn ngọn lửa lung linh sống động*” (Những người đi tới biển).

Ở trường ca Thanh Thảo, cảm hứng sử thi gắn liền với cảm hứng ngợi ca. Những con người anh hùng không phải bước ra từ cổ tích hay thần thoại mà hiện diện trong cuộc sống thực. Họ có thể là người nghĩa binh vốn quen cảnh sống cơ hàn, cũng có thể là người tù Ba Tơ xuất thân từ giai cấp cần lao, có thể là người lính ra đi từ bao miền quê nghèo, cũng có thể là những chú Tám quen cời trôn, cô Út then thò ít

nói...Họ là những con người bình dị, là cả nhân dân. Khắc họa họ, Thanh Thảo cũng sử dụng những ngôn từ bình dị, đời thường, gần gũi với khẩu ngữ hằng ngày. Nói như TS. Chu Văn Sơn thì ở đây, lời thơ không chỉ là *điều nói* mà có khi còn là *nói chơi* vui. Viết về cái đời thường cũng là một cách để nhà thơ tiếp cận trên tinh thần cao cả. Sự cao cả ấy là gì nếu như không phải bắt nguồn từ hình ảnh của nhân dân, hình ảnh của toàn dân tộc trong thời đại “*Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt/ Mỗi dòng sông đều muốn hóa Bạch Đằng*” (Chế Lan Viên). Điều này giải thích tại sao, đọc trường ca Thanh Thảo, người ta có cảm giác vẻ đẹp tráng mỹ thường lẫn lút vẻ đẹp ưu mỹ, tình cảm lớn trội hơn tình cảm nhỏ, tình đôi lứa khiêm cung trước tình đời.

Bên cạnh đó, ngôn ngữ trong trường ca Thanh Thảo giàu tính triết lý. Đây chính là nỗ lực cách tân của tác giả nhằm tạo ra logic liên tưởng trong sáng tạo, khai phá thế giới nội tâm và nhận thức quy luật tồn tại của cuộc sống khách quan. Ta từng gặp không ít cây bút thành công trong hướng đi này: Nguyễn Đình Thi suy tư trong cảm xúc, Chế Lan Viên tư biện bằng hình ảnh – khái niệm, Nguyễn Khoa Điềm triết luận bằng tri thức trường lớp trộn lẫn trường đời. Trong *Đường tới thành phố*, Hữu Thịnh đã hơn một lần đặt câu hỏi cho thơ và cho người lính với những suy tư, trăn trở: “*Thơ không phải những dây bìm trang trí/ Kéo nhoè đi những rễ cây tựa nhựa/ Bão động rừng sao thơ chỉ rung rinh?/ Trời ơi nếu kẻ thù chiếm được/ Chỉ một gốc sim thôi dù chỉ gốc sim cần/ Tổ quốc sẽ ra sao? Tổ quốc?*” (*Đường tới thành phố*).

Ở Thanh Thảo, tính triết lý bắt nguồn từ những trải nghiệm và một đời sống nội tâm đầy biến động trước hiện thực đa chiều bấy giờ. Dẫu rằng đôi chỗ, câu chữ hơi rườm rà, khó hiểu. Hóa thân thành những nhân vật lịch sử như Nguyễn Đình Chiểu, Cao Bá Quát hay người lính chiến đấu nơi chiến trường, anh đều bộc lộ cái nhìn, sự rung cảm của mình trước văn chương, nghệ thuật và cuộc sống: “*Trái tim anh rung giữa những sợi dây đàn/ Giữa những dây đàn bỗng dòng sông chảy xiết/ Và cô gái hiện lên đột ngột/ Cuốn ta về nguồn sông*” (Những người đi tới biển).

Là kết quả của một quá trình tìm tòi, nỗ lực, ngôn ngữ thơ Thanh Thảo đã thực sự tạo ra dấu ấn và chỗ đứng cho riêng mình. Đó là thứ ngôn ngữ gần với hiện thực đời sống. Mới đọc, người ta dễ có cảm giác nó thu hẹp cảm xúc và chất thơ. Nhưng thực ra, nói theo nhà nghiên cứu Chu Văn Sơn thì “*Ngôn ngữ ấy lại có sức mạnh tiết chế về cảm xúc. Nó không bỏ cảm xúc thay bằng cảm giác mà dùng chất nghị để tạo ra một kiểu cảm xúc gói kín trong cảm giác*” [2, tr.31]. Từ đó dẫn đến hệ quả là nó gọi cảm theo lối gián tiếp chứ không truyền cảm theo lối trực tiếp: “*Những dấu chân rồi lùi lại phía sau/ Dấu chân in trên đời chúng tôi những tháng năm trẻ nhất/ Mười tám hai mươi sắc như cỏ/ Dày như cỏ/ Yếu mềm và mãnh liệt như cỏ*” (Những người đi tới biển) hay “*Những trận bão đi qua nên thành dấu vết/ Đất nằm im như chết/ Có bao giờ đất chết đâu anh...*” (Những người đi tới biển).

2.2. Thời gian nghệ thuật

Xuất phát từ phương thức tự sự, thời gian trong trường ca Thanh Thảo, trước hết, là thời gian sự kiện. Chức năng của trường ca là phản ánh được những vấn đề lớn mang tính bước ngoặt của thời đại, chứa đựng một dung lượng đáng kể về cuộc sống. Vì thế, thời gian sự kiện được đánh dấu bằng việc tuần tự xuất hiện nối tiếp nhau của các sự kiện. Ở kiểu thời gian này, trường ca Thanh Thảo đã có sự kế thừa chất liệu của sử thi cổ điển cũng như các trường ca trước năm 1975. Với *Bài ca chim Choroa* (Thu Bồn, 1964), *Theo chân Bác* (Tố Hữu, 1970), thời gian sự kiện hiện diện dày đặc. Nhân vật trong trường ca Thanh Thảo, khi tồn tại trong thời gian ấy, đã liên tiếp hành động: nghĩa binh Cần Giuộc đi vào trận đánh, những người tù Ba Tơ đứng dậy khởi nghĩa, phá tan xiềng xích của nhà tù thực dân, người bộ đội hành quân qua những cánh rừng già, giữa cái đói, cái rét và sự khốc liệt của chiến trường đầy bom đạn... Song song với thời gian sự kiện, các thử thách cũng không ngừng được đặt ra để nhân vật bộc lộ tài năng, phẩm chất, ý chí và sức mạnh của mình. Sự kiện này nối tiếp sự kiện kia, thử thách sau quyết liệt, gay go hơn thử thách trước theo sự tăng tiến cả về mức độ lẫn nhịp độ. Có một điều đặc biệt là trong trường ca Thanh Thảo, do hoạt động bí mật và để tránh sự truy kích của địch, nhân vật hầu như chỉ hành động và chiến đấu trong bóng đêm. Do đó, bóng đêm được lặp đi, lặp lại rất nhiều lần, lúc thì “*Khi người bí thư đêm đêm len lách về nơi đó/ Đêm quân về/ Bờ trăm bầu phẳng phắc/ Tiếng kêu tiếng cười nén chặt/ Bóng người đan bóng cây*” (Những người đi tới biển), lúc khác lại “*Ngọn lửa/ Một đêm thiêu rụi đồn Ba Tơ/ Đã nén lại chuyển sâu vào từng số phận*” (Bùng nổ của mùa xuân)

Bóng đêm còn gợi nhớ về một quá khứ đau buồn, bế tắc và lầm lũi: “*Ăn nắm cơm khoai nghe nóng khô trong cối/ Bầy vạc đêm kêu đột ngột ngang đầu/ Mất những người du kích trôi về đâu/ Bà ngồi lặng lầy từng hạt bắp/ Hơn bảy mươi tuổi đời quần áo rách/ Bóng tôi cày trên vầng trán nhăn nheo*” (Trẻ con ở Sơn Mỹ) hay “*Gương mặt người thân/ Trộn vào bóng đêm đặc quánh*” (Bùng nổ của mùa xuân).

Tuy nhiên, ở trường ca Thanh Thảo, chất trữ tình có xu hướng lấn áp chất tự sự nên chiếm vị trí chủ đạo vẫn là thời gian ký ức và thời gian tâm trạng. Đây cũng chính là nỗ lực đổi mới đáng ghi nhận của Thanh Thảo. Tiếp cận thế giới hiện thực đa chiều, tác giả đã kết hợp giữa quá khứ và hiện tại để gia tăng tính đối thoại. Qua đó, nhân vật thể hiện những suy tư, hồi tưởng, đối sánh, nhìn nhận, đánh giá thế giới rồi đưa ra những triết lý, chiêm nghiệm. Có lẽ vì vậy, nên so với nhân vật sử thi, nhân vật trường ca có đời sống tâm trạng thực hơn, sôi động hơn, giàu chất người hơn. Đến với trường ca Thanh Thảo, thời gian tâm trạng trở thành một hình tượng, nó thể hiện ý thức chiếm lĩnh hiện thực của con người trong chiến tranh. Và hơn thế nữa, từ những triết lý được đúc kết, thời gian tâm trạng còn tạo lập cho con người một tâm thế để “biết rất rõ mặt mình”, để tự nhận thức về mình khi nhìn về quá khứ, đối diện với hiện tại và hướng tới tương lai. Người nghĩa binh Cần Giuộc, qua bao trần trở, nghĩ suy, đã khước từ vị trí làm người dân “*nô lệ béo tròn*” để là một tử sĩ của đất nước tự do. Người du kích Ba

Tơ ý thức được rằng không thể tiếp tục đòi mình trong cuộc sống tầm tối: *“Sao ngày ấy đòi chúng mình buồn vậy/ Cứ lặp mãi lặp hoài một điệu/ Xoay quanh như cối xay mòn mỏi/ Biết tìm đâu lối ra?”* (Bùng nổ của mùa xuân).

Còn người lính thời đại Hồ Chí Minh sống vững vàng, kiên định sau bao day dứt về nghĩa vụ, trách nhiệm, hạnh phúc và sự mong manh, bé nhỏ của kiếp người thời chiến loạn. Và họ chợt nhận ra, những năm tháng chiến đấu và hiến dâng cho tổ quốc là quãng đời đẹp nhất, ý nghĩa nhất trong họ: *“Những năm/ Chiếc áo lính chặt vào thân bạc màu ngấn nhanh rồi rách/ Những năm/ Một chiếc áo có thể sống lâu hơn một cuộc đời/ Rồi tới lúc chúng con thay áo khác/ Nhưng khi cởi ra/ Con không còn gì thay được”* (Những người đi tới biển).

Bên cạnh đó, thời gian lịch sử cũng trở thành một hình tượng trong trường ca Thanh Thảo. Đặt trong cái nhìn hệ thống, dễ dàng nhận thấy các trường ca của Thanh Thảo là cuộc chạy tiếp sức trên hành trình sáng tạo. Đây là sự khác biệt lớn so với những cây bút viết trường ca trước và cùng thời. Tác phẩm của ông là sự trải dài về không gian (từ hậu phương đến chiến trường, từ nhà tù đến vùng đất giải phóng, từ đồng bằng ra hải đảo), sự nối tiếp về thời gian (từ quá khứ xa xôi trong lịch sử đến hiện tại), sự đa dạng về hình thức thể hiện (thơ và văn xuôi), sự bùng nổ về kết cấu và sự phong phú về chất liệu nghệ thuật. Trường ca *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc* viết về cảnh sống, chiến đấu và nghĩa khí của những người lính Cần Giuộc năm xưa. Đặc biệt, tác giả đi sâu khai thác diễn biến đời sống nội tâm của nhân vật, qua đó, cho thấy tinh thần yêu nước và tự tôn dân tộc trong mỗi người nghĩa binh. *Trò chuyện với nhân vật của mình* là lời độc thoại xen lẫn đối thoại của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu cùng với các nhân vật của mình. Trường ca này viết dưới hình thức văn xuôi, thiên về chính luận và triết lý. Và bao trùm toàn bộ là sự chiêm nghiệm về cuộc đời cùng với sự bộc lộ quan niệm sáng tác của nhà thơ. Hình ảnh của các vị anh hùng Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực hiện hách chiến công hiện lên sinh động trong *Cỏ vẫn mọc*, Cao Bá Quát kiêu hùng, bất khuất trong *Đêm trên cát*. *Bùng nổ của mùa xuân* viết về tinh thần chiến đấu quật cường và khát vọng được đi theo con đường cách mạng của người nghĩa sĩ Ba Tơ. *Trẻ con ở Sơn Mỹ* là tiếng nói tố cáo về tội ác của giặc đã gây ra cho những trẻ em ngây thơ, vô tội ở Sơn Mỹ. *Những người đi tới biển* phản ánh hành trình gian khổ của dân tộc trong cuộc chiến tranh cứu nước qua điểm nhìn của nhân vật “tôi” – từ lúc từ giã mẹ hiền đi lính cho đến khi cùng toàn dân giành được thắng lợi sau cùng. Toàn bộ gia tài trường ca của ông chính là sự tiếp nối của lịch sử chống ngoại xâm từ quá khứ cho đến hiện tại. Và quá khứ là điểm tựa, là nơi bắt đầu cho hiện tại trong mối quan hệ nhân quả.

2.3. Không gian nghệ thuật

Hướng đến chủ đề chiến tranh, không gian chiến trường tồn tại bao trùm trong trường ca Thanh Thảo. Bất cứ nơi đâu, từ những miền quê hay ở địa đầu chiến tuyến,

từ vùng đất Sơn Mỹ anh dũng, đau thương đến nhà tù Ba Tơ chất chứa nỗi căm hờn, từ quê hương Cần Giuộc sinh ra người dân mộ nghĩa cho đến Trường Sơn bạt ngàn tiếng đạn, luồng bom, chỗ nào có giặc, chỗ đó hóa chiến trường. Đó cũng có thể là không gian hẹp như những con đường hành quân hiểm trở, là gương mặt địa hình bị cày xới, chia cắt, là chiến hào ác liệt mà ta bám giữ từng tấc đất, hoặc có thể là không gian rộng như cả một vùng đất kéo dài từ Trường Sơn đến miền Tây Nam Tổ quốc. Không gian chiến trường gắn liền với sự ác liệt, là đường biên giữa sự sống và cái chết, là nơi con người bộc lộ đầy đủ và toàn vẹn nhất phẩm chất, ý chí, lý tưởng của mình: “*Những người đã đi qua con đường nhỏ gài lựu đạn/ Một người hai người ba người.../ Chẳng phải họ hàng không cật ruột/ Trên con đường nhỏ gài lựu đạn/ Một khoảnh khắc một bước chân có thể tôi còn anh mất/ Không cật ruột chẳng họ hàng/ Mỗi người một quê hương/ Họ đi vào chiếc nô chung của một thời khốc liệt*” (Những người đi tới biển).

Ở trường ca Thanh Thảo, hình tượng con đường xuất hiện dày đặc: *đường bờ có gài lựu đạn, câu hát đi qua những con đường, lối mòn xuyên bãi bom mìn mình em len lỏi đi...* Con đường ấy có khi là con đường thực, lúc khác lại là con đường mang tính biểu tượng. Con đường biểu trưng cho cách mạng, cho con đường giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Trong cuộc kháng chiến thần thánh này, cả dân tộc cùng góp sức, góp công chiến đấu vì Tổ quốc. Cùng với trách nhiệm công dân, mỗi người đều ý thức tình đồng bào, đồng chí, tình hữu ái giai cấp. Bởi, họ cùng chung lý tưởng, cùng đi trên một con đường. Những ai đã khuất, những ai còn sống đều đã từng bước qua con đường nhỏ: “*Trong chiến tranh vẫn một con đường đó/ Nỗi mọi tấm lòng yêu nước cùng nhau*” (Những người đi tới biển) hay “*Tôi đã thấy trong tia chớp/ Vẻ rạng rỡ tình yêu/ Trong mắt nhìn sâu thăm tựa mùa thu/ Ánh dịu dàng làm ta muốn khóc/ Đi mãi suốt đời không sao hiểu hết/ Sau mỗi khúc quanh lại gặp con đường*” (Trẻ con ở Sơn Mỹ).

Con đường vốn là tín hiệu thẩm mỹ quen thuộc trong thơ ca cách mạng. Tố Hữu có thể được xem là nhà thơ sử dụng xuyên suốt và nhất quán biểu tượng không gian này. Ở đây, Thanh Thảo đã có sự kế thừa, đồng thời gửi gắm vào đó những triết luận của riêng mình. Theo thời gian, những con đường hiện diện trong thực tại khách quan có thể bị xóa nhòa từ sự vui lấp vô tình của cây cỏ: “*Những hàng rào rập lá rập cây/ Những lối đi mờ cỏ phủ/ Những lối mòn lãng quên/ Những nền nhà bị quân thù vui lấp*” (Những người đi tới biển). Nhưng điều đó không đáng sợ bằng sự vui lấp lối mòn trong tâm tưởng ở mỗi con người. Lối mòn là chứng tích nhắc nhở về quá khứ oai hùng của dân tộc, về những mất mát và hy sinh, về công lao của bao người đã ngã xuống, đã từng sống và chiến đấu để mang lại cuộc sống tự do cho thế hệ mai sau. Họ gửi lại dấu chân trong từng lối mòn như gửi lại bao lời nhắn nhủ: “*Những người sốt rét đang con/ Dấu chân bấm xuống đường trơn có nhòe/ Chiếc bông con đựng những gì/ Mà đi cuối đất, mà đi cùng trời/ Mang bao khát vọng con người/ Dấu chân nhỏ nhỏ không lời không tên*” (Dấu chân qua trăng cỏ). Và qua không gian con đường, Thanh Thảo đã gửi đến người đọc bức thông điệp về ý thức công dân, về trách nhiệm trước lịch sử, trước đất

nước và lòng biết ơn của những người đang “hái quả”: *“Vùi trong trắng cỏ thời gian/ Vẫn âm thầm trái mút tâm mắt ta/ Vẫn đầm hơi ấm thiết tha/ Cho người sau biết đường ra chiến trường”* (Dấu chân qua trắng cỏ).

Bên cạnh đó, hướng đến chủ đề dựng xây và bảo vệ, không gian sinh hoạt cũng được khắc họa trong trường ca Thanh Thảo. Đó là miền hậu phương dẫu yêu, có những người mẹ, người vợ, người chị, người em ngày đêm ngóng đợi, có dòng sông tuổi thơ với bao kỷ niệm êm đềm, có hạt muối mặn mòi uớt đầm bờ môi. Không gian này được tái hiện sinh động trong những phút giây suy tư, hồi tưởng và nhung nhớ của bao người lính xa nhà: *“Sao con nhớ đôi tay gầy nhen nùn rom xưa muối/ Dáng lặn lội đầu nguồn bóng tàu chuôi nghiêng qua/ Cứ tỏa mát không một lời nhắc nhở.../ ...Như luồng khoai con khát tận mưa mùa/ Như giọt nước con thềm hòa tận biển/ Như cánh rừng gió lên và gió lặn/ Những tảng đá ven bờ sóng đập mãi ngàn năm”* (Những người đi tới biển).

Chính không gian sinh hoạt đã xoa dịu trong người lính nỗi cô đơn, xoa dịu những thiếu thốn và gian khổ trên cuộc hành quân, tạo niềm tin để người lính hướng tới tương lai. Không gian ấy vừa tồn tại trong ký ức, vừa hiện hữu trong thực tại. Đó là khi cuộc chiến tranh kết thúc, nhân dân ta bắt đầu một hành trình mới: hành trình dựng xây và bảo vệ tổ quốc. Cuộc sống lại trở dậy giai điệu vui tươi, hứng khởi, hạnh phúc và tràn đầy niềm tin- giai điệu của một Tổ quốc đã tìm thấy tự do và độc lập: *“Các thiếu nữ gọi đầu hong tóc/ Trời khô ráo sao nở đòn lách tách/ Trâu cạ sừng chim về tổ ngủ yên/ Những cặp vợ chồng chuẩn bị cho chào đời những đứa con/ Những đứa trẻ nằm mơ những bào thai khỏe/ Vô số mầm cây nẩy từ ngực đất/ Đêm mùa xuân thiêng liêng”* (Trẻ con ở Sơn Mỹ). Từ đây, trẻ thơ được tròn giấc bên vành nôi và tiếng ru của mẹ, thay cho bom đạn hủy diệt của chiến tranh là sự sống đang được hồi sinh từ vùng đất anh hùng.

Trong trường ca Thanh Thảo, không gian chiến trường và không gian sinh hoạt tồn tại song hành và cùng hỗ trợ nhau. Đây cũng là những kế thừa của Thanh Thảo từ thành tựu đi trước. Nếu như không gian chiến trường tái hiện lại bức tranh đất nước trong thời chiến cùng tính hùng tráng và bi tráng vốn có của nó thì không gian sinh hoạt khắc họa cuộc sống của toàn dân. Cuộc sống ấy có thể bắt đầu với những khát vọng lớn lao nhưng cũng có thể khởi đầu từ những điều bình dị nhất. Và nếu như chiến trường là nơi để con người ta thể hiện phẩm chất, ý chí, lý tưởng sống thì cuộc sống hòa bình lại là nơi để con người ta khẳng định và giữ gìn phẩm chất, ý chí và lý tưởng ấy. Điều này góp phần làm cho trường ca Thanh Thảo đậm chất hiện thực nhưng không kém phần kỳ vĩ.

Đổi mới của Thanh Thảo về không gian nghệ thuật so với các tác giả trước đó, chính là sử dụng không gian tâm tưởng. Kiểu không gian này tồn tại trong suy tưởng của nhân vật trữ tình qua ký ức về quá khứ và những kỳ vọng, mơ ước về tương lai. Dòng suy tư của nhân vật tuôn chảy suốt chiều dài tác phẩm tạo nên một mạch ngầm

tâm trạng với hàng loạt những suy tưởng đan cài, chồng chéo. Có thể nói, đây là kiểu không gian tương ứng với thời gian tâm trạng.

Từ những diễn biến của tâm trạng nhân vật qua những dòng suy tư, hồi tưởng hay những nỗi ám ảnh thường trực, không gian tâm tưởng hiện ra dưới những sắc màu khác nhau. Nó góp phần đào sâu thêm thế giới nội tâm nhân vật, mở rộng không gian bên trong tác phẩm. Trong trường ca Thanh Thảo, không gian tâm tưởng hiện diện cụ thể, gắn với đời sống nội tâm sôi động của chủ thể trữ tình. Đó là không gian thân thương, gần gũi, gợi nhắc những kỷ niệm êm đềm của người lính về mẹ, về người yêu như hình ảnh “mái nhà có cành sấu xòe ngang”, đường phố “miên man như ý nghĩ”, “những ngọn đồi đá ong nuôi giấc mơ bạch đàn” (Những người đi tới biển), hoặc không gian đầy sức ám ảnh của quá khứ tăm tối, buồn đau “những cây trắc rùng mình”, “thung lũng hẹp”, “bầu trời rách tả tơi” (Bùng nổ của mùa xuân). Đó còn là không gian mơ ước mang tính lý tưởng – không gian biển – gắn với bao kỳ vọng về một cuộc sống bình yên, hạnh phúc của tương lai: “Cho anh về với em một buổi sáng thường/ Đi kéo lưới và đi gánh cá/ Nói chuyện lợp nhà trồng lại hàng dương/ Hoa muống biển tím lúc mình xúc động/ Anh muốn kêu ngược tiếng hò reo của sóng/ Phút này đây anh là của biển rồi” (Những người đi tới biển).

3. KẾT LUẬN

Có thể thấy, hành trình đến với trường ca của Thanh Thảo là sự kiếm tìm không mệt mỏi để mang lại những phương thức biểu hiện mới mẻ. Nỗ lực đó đã là một thành công. Và lại càng thành công hơn khi anh tạo cho mình một chỗ đứng rất riêng trong vườn hoa nghệ thuật sau năm 1975. Ta bắt gặp ở anh sự tươi mới của tư duy, chiều sâu của suy tưởng, nét độc đáo của hình tượng và sự đa dạng của ngôn từ. Những cách tân của Thanh Thảo trên các phương diện ngôn từ, thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật... là sự trở lại của trường ca hiện đại Việt Nam trong thời bình dưới lớp vỏ hình thức mới, sinh động hơn, thu hút hơn và nhuần nhị hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Ngọc Hiến (1984), “Về đặc trưng của trường ca”, *Tạp chí Văn học* (số 3).
- [2]. Chu Văn Sơn (2004), “Thanh Thảo, nghĩa khí và cách tân”, *Tạp chí Cẩm Thành* (số 41), tr.17-33.
- [3]. Thanh Thảo (1977), *Những người đi tới biển (Tuyển trường ca)*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [4]. Thanh Thảo (1978), *Dấu chân qua trắng cỏ*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội.
- [5]. Thanh Thảo (1995), *Những nghĩa sĩ Cần Giuộc*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [6]. Thanh Thảo (1997), *Trẻ con ở Sơn Mỹ*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [7]. Thanh Thảo (2000), *Bùng nổ của mùa xuân*, Sở Văn hóa thông tin Quảng Ngãi.
- [8]. Thanh Thảo (2003), “Tàn mạn về thơ”, *Tạp chí Sông Hương* (số 5), tr.79-82.
- [9]. Thanh Thảo (2003), “Sự đồng cảm trong phê bình thơ”, *Tạp chí Cẩm Thành* (số 36), tr.64-66.
- [10]. Bích Thu (1985), “Thanh Thảo: Một gương mặt tiêu biểu trong thơ từ sau 1975”, *Tạp chí Văn học* (số 6), tr.69-76.

INNOVATION IN THE EXPRESSION METHODS IN THANH THAO'S EPIC POEMS

Nguyen Thi Ai Thoa

Faculty of Social Sciences & Humanities, Phu Yen University

Email: nguyenthiaithoa@pyu.edu.vn

ABSTRACT

With a rich and significant epic legacy, Thanh Thảo can be regarded as a representative figure in the development of epic poetry in Vietnam after 1975. His epics both inherit the achievements of earlier traditions and demonstrate continuous innovation, establishing a distinctly personal and creative voice. The dominant and consistent tone remains the celebration of heroism; however, epics after 1975 in general, and Thanh Thảo's works in particular, also express deep concerns, torments, and inner struggles over the realities of war and the fragile fate of human beings. All of these emotions are distilled from life-and-death experiences—painful yet steadfast. This article delves into the modes of expression in Thanh Thảo's epics from three aspects: linguistic art, artistic time, and artistic space. Through this, the article highlights his contributions to the effort of modernizing Vietnamese epic poetry.

Keywords: Expression methods, epic poetry, innovation, Thanh Thao.



Nguyễn Thị Ái Thoa sinh ngày 28/02/1981 tại Tuy Hòa – Phú Yên. Bà nhận bằng cử nhân chuyên ngành Ngữ văn năm 2003, nhận bằng thạc sĩ Văn học Việt Nam năm 2007 và nhận bằng tiến sĩ Văn học Việt Nam năm 2020 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Bà hiện đang là giảng viên, công tác tại Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Phú Yên.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học dân gian, Văn hóa dân gian và Văn học Việt Nam.